

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn Chị K' B trình bày: chị và anh H xây dựng gia đình với nhau năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà vào ngày 13/4/2011. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hoà thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu khó làm ăn, có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 7, tháng 8/2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đinh Công H để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu K' Đinh Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đinh Công B, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung. Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000đồng/01 cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định đề vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nợ đại lý Hiên Thành do bà Đặng Thị Kim H là chủ Đại lý, địa chỉ: Thôn Tân Lâm, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà số tiền là 55.655.000đồng; Nợ đại lý Duyên Linh do vợ chồng ông Dương Văn D, bà Đỗ Thị N làm chủ đại lý, địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà số tiền là 110.000.000đồng; Nợ ông Vũ Viết A, địa chỉ: Thôn Hà Trung, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 25.000.000đồng; Nợ anh Đinh Công H, địa chỉ: thôn Hải Hà, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 50.000.000đồng; Nợ anh Dương Đình L, địa chỉ: thôn Đức Bình, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 30.000.000đồng; Nợ chị K' D, địa chỉ: thôn 1, Đam Pao, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà số tiền là 5.000.000đồng; Nợ Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền khoảng 20.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi suất; Nợ quán bà Tư Lác do bà Nguyễn Thị Clàm chủ, địa chỉ: thôn Tân Hiệp, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 3.000.000đồng; Nợ bà Đỗ Thị H, địa chỉ: thôn Mỹ Đức, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 2.000.000đồng; Nợ đại lý ga Ngọc Tĩnh do bà Lê Thị N, địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 700.000đồng.

Ngoài ra chị cho rằng chị có nợ riêng bà Đinh Thị V, địa chỉ: thôn 1, Đam Pao, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà số tiền là 5.000.000đồng đối với số nợ này chị đã trả cho bà Vui.

Khi ly hôn về nợ chung chị đề nghị để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc khoảng 20.000.000đồng và tiền lãi suất thì chị yêu cầu chia đôi chị và anh Hmỗi người sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2019 và tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2019
Anh Đinh Công H trình bày: Anh và Chị K' B xây dựng gia đình với nhau năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, Chị K' B thường xuyên lừa dối anh để đi chơi, Chị K' B có những mối quan hệ xã hội không được lành mạnh, mỗi lần xảy ra cãi vã là vợ anh lại bỏ đi và mang hết những tài sản của vợ chồng đi về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu nên anh không còn tình cảm với vợ anh nữa. Tuy nhiên, vì các con anh còn nhỏ nên anh không muốn gia đình tan vỡ, các con anh phải khổ. Nhưng nếu anh được nuôi cháu Bảo thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu K' Đinh Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đinh Công B, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Bảo, anh đồng ý giao cháu Tiến cho Chị K' B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định để vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định ngoài số nợ vợ anh đã khai nêu trên thì vợ chồng anh có nợ của bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 300.000.000đồng ; Nợ ông Nguyễn Văn O, địa chỉ: Thôn Đức Bình, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 10.000.000đồng ; Nợ vợ chồng ông Nguyễn Nam T, bà Lê Thị X, địa chỉ: thôn Tân Hải, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà số tiền là 8.000.000đồng.

Về nợ riêng thì anh xác định có nợ hội làng thôn Hà Trung, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà do ông Vũ Viết Lững làm đại diện cho vay với số tiền là 9.000.000đồng, số tiền này không liên quan gì đến vợ anh và anh đã trả hết số tiền trên cho hội làng.

Khi ly hôn đối với số nợ chung thì anh xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc khoảng 20.000.000đồng và tiền lãi thì anh cũng đồng ý vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2019 người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng c, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà ông Nguyễn Thanh C trình bày: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn số 6600000709523632 ngày 06/3/2017 của bà K' Bích và ông Đinh Công Hạnh, trú tại: Thôn Tân Thành, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà có vay của Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền là 20.000.000đ/01 món vay từ chương trình cho vay hộ cận nghèo. Về tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay tín chấp không phải thế chấp tài sản theo quy định của chính phủ (cho vay ủy thác thông qua hội cựu chiến binh xã Tân Văn, huyện Lâm Hà).

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình bà K' Bích và ông Đinh Công Hạnh hiện đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết về số nợ mà gia đình bà K' Bích ông Đinh Công Hạnh đã vay của Ngân hàng trong vụ án ly hôn này. Buộc bà K' Bích, ông Hạnh phải hoàn trả toàn bộ số nợ vay trên cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà. Tổng số nợ gốc và tiền lãi vay tính đến ngày 19/6/2020 là 20.112.833đ, trong đó số tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi suất là 112.833đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Chị K' B. Xử cho Chị K' B và Anh Đinh Công H được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu K' Đinh Công T, sinh ngày 14/4/2011 theo nguyện vọng của con cho Chị K' B có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Đinh Công B, sinh ngày 03/01/2017 cho anh H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ của Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà đề nghị buộc Chị K' B và Anh Đinh Công H mỗi người

có trách nhiệm trả cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và tiền lãi suất cho Ngân hàng đồng thời tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

Đối với các khoản nợ của ông Nguyễn Văn O; Bà K' D; ông Dương Đình L; Ông Đinh Công H; Ông Vũ Viết A; Vợ chồng ông Dương Văn D, bà Đỗ Thị Ninh; Bà Đặng Thị Kim Hiên; Vợ chồng ông Nguyễn Nam T, bà Lê Thị X; bà Nguyễn Thị Chúc; bà Nguyễn Thị Đ; bà Đinh Thị V; bà Lê Thị N khi ly hôn Chị K' B và Anh Đinh Công H xác định để các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau đồng thời các ông bà trên có đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc Chị K' B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Buộc Anh Đinh Công H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Ngân hàng theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K' B và Anh Đinh Công H xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/4/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, Chị K' B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên Chị K' B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Hạnh. Chị K' B cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt không chịu khó làm ăn, có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân được hơn một năm nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Vì vậy, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạnh. Anh H cũng xác định cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị Bích thường xuyên lừa dối anh để đi

chơi, chị Bích có những mối quan hệ xã hội không được lành mạnh, mỗi lần xảy ra cãi vã là vợ anh lại bỏ đi và mang hết những tài sản của vợ chồng đi về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tại phiên Tòa anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nên anh không còn tình cảm với vợ anh. Vì vậy, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị K' B.

Xét thấy, trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Bên cạnh đó do kinh tế gia đình khó khăn nhưng vợ chồng anh chị không động viên chia sẻ để cùng nhau phấn đấu làm ăn kinh tế nhưng lại nghi ngờ không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm từ đó vợ chồng anh chị đã tự sống ly thân với nhau. Mặc dù vợ chồng anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy rằng trong thời gian chung sống tại địa phương thì vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị K' B, xử cho Chị K' B và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị K' B và anh H xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu K' Đình Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đình Công B, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn Chị K' B yêu cầu được nuôi hai con chung. Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/01 cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Còn anh H đồng ý giao cháu Tiến cho Chị K' B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi cháu Bảo. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên Tòa hôm nay Chị K' B và anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về con chung. Xét thấy hiện nay Chị K' B và anh H cả hai đều có công việc ổn định, bên cạnh đó các bên còn làm thêm vườn để tăng thêm thu nhập. Cả hai đều có điều kiện để chăm sóc các cháu được tốt. Qua xác minh được biết hiện nay Chị K' B đang đi làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai, việc chăm sóc các cháu đều do ông bà ngoại là người chăm sóc, Chị K' B không phải là người trực tiếp chăm sóc các cháu. Hiện nay anh H đang sinh sống tại địa phương có công việc và thu nhập ổn định. Cháu Tiến đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với Chị K' B. Do đó, để

các bên có điều kiện, thời gian chăm sóc các cháu được tốt cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu K' Đình Công T, sinh ngày 14/4/2011 cho Chị K' B có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con; Giao con chung là cháu Đình Công B, sinh ngày 03/01/2017 cho anh H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do các bên mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Chị K' B và anh H xác định về tài sản chung để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Tại phiên Tòa hôm nay Chị K' B và anh H xác định vợ chồng có nợ chung gồm có: Nợ Đại lý Hiên Thành do bà Đặng Thị Kim H là chủ Đại lý, địa chỉ: Thôn Tân Lâm, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà số tiền là 55.000.000đồng; Nợ đại lý Duyên Linh do vợ chồng ông Dương Văn D, bà Đỗ Thị N làm chủ đại lý, địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà số tiền là 110.000.000đồng; Nợ ông Vũ Viết A, địa chỉ: Thôn Hà Trung, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 25.000.000đồng; Nợ anh Đình Công H, địa chỉ: thôn Hải Hà, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 50.000.000đồng; Nợ anh Dương Đình L, địa chỉ: thôn Đức Bình, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 30.000.000đồng; Nợ chị K' D, địa chỉ: thôn 1, Đam Pao, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà số tiền là 5.000.000đồng; Nợ Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền gốc khoảng 20.000.000đồng và tiền lãi; Nợ quán bà Tư Lác do bà Nguyễn Thị Clàm chủ, địa chỉ: thôn Tân Hiệp, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 3.000.000đồng, nợ bà Đỗ Thị H, địa chỉ: thôn Mỹ Đức, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà số tiền là 2.000.000đồng; Nợ đại lý ga Ngọc Tĩnh do bà Lê Thị N làm chủ số tiền là 700.000đồng; Nợ ông Nguyễn Văn O, địa chỉ: Thôn Đức Bình, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà số tiền là 10.000.000đồng ; Nợ vợ chồng ông Nguyễn Nam T, bà Lê Thị X, địa chỉ: thôn Tân Hải, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà số tiền là 8.000.000đồng.

Đối với số nợ 300.000.000đ của bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà. Anh H cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng tuy nhiên Chị K' B không thừa nhận là nợ chung của vợ chồng.

Ngoài ra Chị K' B cho rằng chị có nợ riêng của bà Đình Thị V, địa chỉ: thôn 1, Đam Pao, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà số tiền là 5.000.000đồng. Anh H cũng xác định có nợ riêng hội làng thôn Hà Trung, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà do ông Vũ

Viết Lững làm đại diện cho vay với số tiền là 9.000.000đồng. Đối với những khoản nợ này anh chị xác định đã trả hết.

Khi ly hôn anh chị xác định về nợ chung để vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà với số tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi suất phát sinh thì anh chị đồng ý mỗi người sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn O xác định vợ chồng anh Hạnh, Chị K' B có nợ của ông số tiền là 10.000.000đ; Bà K' D xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ bà 300kg cà phê nhân khô; ông Dương Đình L xác định anh Hạnh, Chị K' B nợ ông 30.000.000đ; Ông Đinh Công H xác định anh Hnợ 60.000.000đ; Ông Vũ Viết A xác định anh Hạnh, Chị K' B nợ ông 20.000.000đ; Vợ chồng ông Dương Văn D, bà Đỗ Thị N xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ ông bà 110.000.000đ; Bà Đặng Thị Kim H xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ bà 50.000.000đ chưa tính lãi; Vợ chồng ông Nguyễn Nam T, bà Lê Thị X xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ 7.800.000đ; bà Nguyễn Thị C xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ 3.00.000đ; bà Nguyễn Thị Đ xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ 300.000.000đ; bà Đinh Thị V xác định Chị K' B có nợ 5.000.000đ; bà Lê Thị N xác định anh Hạnh, Chị K' B có nợ 700.000đ.

Tuy nhiên ông Nguyễn Văn O; Bà K' D; Ông Dương Đình L; Ông Đinh Công H; Ông Vũ Viết A; Vợ chồng ông Dương Văn D, bà Đỗ Thị Ninh; Bà Đặng Thị Kim Hiên; Vợ chồng ông Nguyễn Nam T, bà Lê Thị X; bà Nguyễn Thị Chúc; bà Nguyễn Thị Đ; bà Đinh Thị V; Bà Lê Thị N xác định để các ông bà tự thỏa thuận giải quyết với vợ chồng anh Hạnh, Chị K' B, đồng thời các ông bà đã có đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số nợ này trong vụ án ly hôn giữa Chị K' B với anh Hnếu sau này các bên phát sinh tranh chấp thì các chủ nợ sẽ khởi kiện bằng một vụ án kiện khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày là 19/6/2020 là 112.833đ. Tại phiên Tòa hôm nay Chị K' B, anh H đồng ý thỏa thuận anh chị sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ tiền nợ gốc và tiền lãi suất cho Ngân hàng. Do vậy cần buộc Chị K' B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là gốc là 10.000.000đ, tiền lãi suất là 56.416đ; Anh Đinh Công H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là gốc là 10.000.000đ, tiền lãi suất là 56.416đ. Đồng thời anh Hạnh, Chị K' B phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

[6] *Về án phí*: Buộc Chị K' B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Buộc Anh Đinh Công H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của Chị K' B, xử cho Chị K' B và Anh Đinh Công H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu K' Đinh Công T, sinh ngày 14/4/2011 cho Chị K' B có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con chung là Đinh Công B, sinh ngày 03/01/2017 cho Anh Đinh Công H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc Chị K' B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 19/6/2020 là 56.416đ (Năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng). Tổng cộng là 10.056.416đ (Mười triệu không trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

Buộc Anh Đinh Công H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng c, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 19/6/2020 là 56.416đ (Năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng). Tổng cộng là 10.056.416đ (Mười triệu không trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

Đồng thời Chị K' B, Anh Đinh Công H tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 20/6/2020 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Chị K' B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 503.000đ (Năm trăm lẻ ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị K' B đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007035 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị K' B còn phải nộp thêm 503.000đ (Năm trăm lẻ ba ngàn đồng).

Buộc Anh Đinh Công H phải chịu 503.000đ (Năm trăm lẻ ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2020) nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L(02);
- VKSND huyện ;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Hữu Dũng